

Số: 634/QĐ-UBND

Bình Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Nội quy tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân xã Bình Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013;
Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
Căn cứ Nghị định 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 154/2026 ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân;
Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;
Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-TTCP ngày 25/6/2025 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính Phủ liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã tại Tờ trình số 103/TTr-VP, ngày 14/8/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Nội quy tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân xã Bình Thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND xã về việc ban hành Nội quy tiếp công dân của Ủy ban nhân dân xã Bình Thành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các ông, bà trưởng xóm;
- Lưu: VT, VP.Thiennv.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NỘI QUY

Tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân xã Bình Thành

*(kèm theo Quyết định số: 634/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Thành)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Địa điểm tiếp công dân: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Thành (*địa chỉ: Xóm Đoàn Kết, xã Bình Thành, tỉnh Thái Nguyên*).

2. Người được giao tiếp công dân có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; thực hiện tiếp các tổ chức, cá nhân đến thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Thời gian tiếp công dân

- Tiếp công dân thường xuyên trong giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần (*từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần*), trừ các ngày nghỉ lễ, ngày Tết theo quy định:

+ Buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút;

+ Buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

4. Lịch tiếp công dân

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tiếp công dân định kỳ vào ngày 05 và ngày 20 hằng tháng tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Trường hợp ngày tiếp công dân trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ hoặc vì lý do đột xuất không thể thực hiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định bố trí thời gian tiếp công dân vào ngày làm việc khác và thông báo công khai theo quy định.

- Lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được niêm yết tại địa điểm tiếp công dân của xã và đăng lên Cổng thông tin điện tử của xã.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI TIẾP CÔNG DÂN

1. Thực hiện tiếp công dân theo lịch và nhiệm vụ được phân công; có thái độ đúng mực, tôn trọng, lắng nghe, giải thích và hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp họ tên, địa chỉ, số căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước, sổ định danh cá nhân hoặc sổ

hộ chiếu theo quy định; trường hợp người đại diện, người được ủy quyền thì yêu cầu xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách đại diện, ủy quyền hợp pháp.

3. Tiếp nhận đơn, tài liệu do công dân cung cấp; trường hợp công dân không có đơn hoặc nội dung trình bày chưa đầy đủ thì ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung công dân trình bày theo quy định; hướng dẫn công dân bổ sung thông tin, tài liệu cần thiết.

4. Ghi đầy đủ, chính xác nội dung tiếp công dân vào Sổ tiếp công dân hoặc hồ sơ điện tử theo quy định; yêu cầu công dân ký hoặc điểm chỉ xác nhận nội dung đã trình bày trong trường hợp pháp luật quy định.

5. Tiếp nhận, phân loại ban đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; xác định sơ bộ nội dung, thẩm quyền và tham mưu chuyển đơn hoặc xử lý theo quy định; không tự ý giải quyết hoặc cam kết giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền.

6. Hướng dẫn công dân đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền giải quyết đối với nội dung không thuộc thẩm quyền của UBND xã; giải thích cho công dân chấp hành các kết luận, quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

7. Trường hợp công dân cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc giấy tờ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, phải tiếp nhận, lập hồ sơ và quản lý, lưu trữ theo quy định; không được làm mất, làm sai lệch hoặc tự ý sử dụng thông tin, tài liệu do công dân cung cấp.

8. Kịp thời báo cáo Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã hoặc người có thẩm quyền đối với các vụ việc phức tạp, đông người, có nguy cơ phát sinh mất an ninh, trật tự; các vụ việc có dấu hiệu vượt thẩm quyền hoặc có nội dung cần xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã.

9. Yêu cầu người vi phạm nội quy nơi tiếp công dân chấm dứt hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết lập biên bản và báo cáo người có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

10. Được từ chối tiếp công dân trong các trường hợp pháp luật quy định và thực hiện việc từ chối tiếp công dân đúng trình tự, thủ tục.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẾN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

1. Khi đến nơi tiếp công dân của xã, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có các quyền sau:

- a) Trình bày về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
- b) Được hướng dẫn, giải thích về nội dung liên quan đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình;
- c) Khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của người tiếp công dân;

d) Nhận thông báo về việc tiếp nhận, kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

đ) Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không sử dụng thông thạo tiếng Việt thì có quyền sử dụng người phiên dịch;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Khi đến nơi tiếp công dân của xã, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có nghĩa vụ sau:

a) Nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu có);

b) Có thái độ đúng mực, tôn trọng đối với người tiếp công dân;

c) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; ký hoặc điểm chỉ xác nhận những nội dung trình bày đã được người tiếp công dân ghi chép lại;

d) Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy tiếp công dân và hướng dẫn của người tiếp công dân;

đ) Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo của mình.

g) Không mang vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất nguy hiểm, vật dụng bị pháp luật cấm vào nơi tiếp công dân; không sử dụng loa, trống, băng rôn, khẩu hiệu hoặc các vật dụng khác gây mất an ninh, trật tự, cản trở hoạt động tiếp công dân.

f) Giữ gìn vệ sinh, trật tự tại khu vực địa điểm tiếp công dân. Không di chuyển, làm hư hỏng tài sản của địa điểm tiếp công dân. Hết giờ làm việc, công dân không được lưu lại địa điểm tiếp công dân.

IV. CÁC TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI TIẾP CÔNG DÂN

Người tiếp công dân được từ chối tiếp người đến nơi tiếp công dân quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, khoản 4 Điều 9 Luật Tiếp công dân năm 2013 trong các trường hợp sau đây:

1. Người trong tình trạng say do dùng chất kích thích, người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

2. Người có hành vi đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy nơi tiếp công dân;

3. Người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài;

4. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, việc từ chối tiếp công dân còn được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ trong các trường hợp sau đây:

“a) Người mang theo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc các vật dụng, chất nguy hiểm khác theo quy định của pháp luật mà không chấp hành yêu cầu gửi tại nơi quy định hoặc giao nộp cho bộ phận bảo đảm an ninh, trật tự;

b) Người không chấp hành việc kiểm tra an ninh theo quy định;

c) Người tự ý ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp tại nơi tiếp công dân trong trường hợp người chủ trì tiếp công dân đã yêu cầu không ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp để bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật đời tư, dữ liệu cá nhân, bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc tự ý ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại nơi tiếp công dân;

d). Người có hành vi kích động, lôi kéo, gây rối trật tự công cộng tại nơi tiếp công dân;

đ) Người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

e) Người đại diện, người được ủy quyền thực hiện khiếu nại, kiến nghị, phản ánh nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật;

g) Nội dung trình bày không thuộc phạm vi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp công dân;

h) Người kiến nghị, phản ánh về vụ việc đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền tiếp, hướng dẫn hoặc trả lời bằng văn bản theo đúng quy định và không có nội dung, tình tiết mới;

i) Vụ việc đã có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không thuộc trường hợp được xem xét lại theo quy định của pháp luật. Việc xác

định vụ việc không thuộc trường hợp được xem xét lại phải căn cứ vào văn bản trả lời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Vụ việc đang được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khác thụ lý, giải quyết theo trình tự, thủ tục luật định”./.